TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC** **---------- **

Bản án số: 88/2019/HSST

Ngày: 20/6/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

VỚI THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Liên**

Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đức Thành**

Ông Đinh Quang Huấn

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Đặng Thị Vân Kiều - Cán bộ Toà án.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì:

Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 87/2019/HSST ngày 22/5/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Thanh T - sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT: Xóm 5, phố G, tổ 30 phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Xóm 4, ngách 60/40 khu chăn nuôi, phố T, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Con ông: Phan Quang T (đã chết); Con bà: Bùi Thị T (sinh năm 1959) ; Anh, chị, em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ Vũ Thu H sinh năm 1986, có 02 con lớn sinh năm : 2007, nhỏ sinh năm 2010. Danh chỉ bản số 0024 ngày 07/ 12/2018 Công an huyện T lập; Tiền án: 01, tiền sự: Không.

Ngày 04/02/2016, Toà án nhân dân quận H xử phạt 06 tháng 21 ngày tù về tội "Đánh bạc", bản án số 62/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2016, đã được xoá án tích. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 06/12/2018 đến ngày 05/03/2019. Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Đàm Văn T - sinh năm 1986; Nơi ĐKNKTT: số 192-A20, ngõ M, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số 4, ngách 196/4 đường L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Con ông: Đàm Văn K; Con bà: Nguyễn Thị H ; Anh, chị, em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ Phạm Thị T sinh năm 1985, có 01 con sinh năm 2015. Danh chỉ bản số 0220 ngày 10/ 4/2019 Công an huyện T lập; Tiền án: không, tiền sự: 01, ngày 06/07/2011 Công an Quận H xử phạt hành chính theo Quyết Định số 25003 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý (đã xoá). Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

Anh Lê Công M - sinh năm 1961

Nơi ĐKNKTT: Số 29, X3, thị trấn V, huyện T, Hà Nội.

Vắng mặt phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị T sinh năm: 1978

Trú tại: số 33, ngõ C, phường T, quận T, Hà Nội.

Vắng mặt phiên tòa.

NÔI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03/12/2018, Vũ Mạnh T (sinh năm: 1982: HKTT: số 19, ngõ 28 đường T, phường T, quận H, Hà Nội), Phan Thanh T và Đàm Văn T cùng đến phòng trọ của anh Ngô Văn P (sinh năm: 1989; HKTT: xã Y, huyện Y, tỉnh N), ở xóm C, thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội) để chơi và ngủ

nhờ tại đây. Khi cùng Mạnh T đến phòng trọ của anh Ngô Văn T, Phan Thanh T thấy Mạnh T có mang theo 01 vam phá khoá. Đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 04/12/2019, khi anh P chuẩn bị đi làm thì Đàm Văn T bảo anh P cho Đàm Văn T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave BKS: 16K1-4502 của anh P để đi lại. Anh P đồng ý và giao lại chiếc chìa khoá trên cho anh Đàm Văn T. Sau khi anh P đi làm, Mạnh T, Đàm Văn T và Phan Thanh T cùng nhau đi ăn sáng. Sau khi đi ăn sáng xong cả ba quay về phòng trọ của anh P. Sau đó Thanh T ở lại phòng trọ của anh P, còn Đàm Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 16K1- 4502 chở Mạnh T đi đến khu vực chợ T, huyện T, Hà Nội để uống nước. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, Đàm Văn T điều khiển xe mô tô chở Mạnh T, quay lại phòng trọ của anh P. Cùng thời gian này, ông Lê Công M (sinh năm: 1961; HKTT: Khu X3, thị trấn V, huyện T, Hà Nội) điều khiển xe mô tô Honda wave - BKS: 30H8- 7571 đến chơi ở nhà ông Nguyễn Mạnh H, ở xóm Chùa, thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội. Khi đến nơi, ông M dựng xe ngoài đường (không khoá cổ, khoá càng, chỉ khoá điện xe) và đi vào trong nhà ông H. Khi Đàm Văn T điều khiển xe chở Mạnh T về phòng trọ của anh P thì Mạnh T phát hiện thấy chiếc xe mô tô BKS: 30H8- 7571 của ông M đang dựng xe bên ngoài đường không có người trông giữ nên khi về đến phòng trọ của anh P, Mạnh T rủ Đàm Văn T và Thanh T cùng đi trộm cắp chiếc xe mô tô trên, còn Đàm Văn T nói mệt không đi. Đàm Văn T và Thanh T bảo Mạnh T cho mượn chiếc xe mô tô BKS: 16K1- 4502 do Đàm Văn T đang quản lý để đi trộm cắp tài sản. Đàm Văn T đồng ý và đưa chìa khoá xe mô tô BKS: 16K1- 4502 cho Thanh T. Sau khi mượn được xe, Thanh T điều khiển xe chở Mạnh T đi đến đầu ngõ, ở xóm Chùa, thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội (nơi ông M dựng chiếc xe mô tô BKS: 30H8- 7571), để trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Khi đến nơi, Mạnh T bảo T đứng đầu ngõ cảnh giới, còn Mạnh T đi vào trong ngõ để trộm cắp tài sản. Thanh T ngồi trên mô tô BKS: 16K1- 4502, ở ngoài đầu ngõ, để cảnh giới. Khoảng 05 phút sau, Mạnh T điều khiển xe mô tô BKS: 30H8- 7571, vừa trộm cắp được đi ra đầu ngõ. Thấy Mạnh T đã trộm cắp được tài sản,

Thanh T cũng điều khiển xe mô tô BKS: 16K1- 4502 đi theo Mạnh T về hướng chùa V. Trên đường bỏ chạy, Mạnh T bảo Thanh T về phòng trọ trước. Thanh T điều khiển xe quay lại phòng trọ và kể lại toàn bộ việc trộm cắp tài sản cho Đàm Văn T biết. Một lúc sau, Mạnh T gọi điện, hẹn gặp Đàm Văn T và Thanh T ở khu vực phường T, Hà Nội. Đàm Văn T liền điều khiển xe mô tô BKS: 16K1 4502 chở Thanh T đi lên khu vực phường T gặp Mạnh T. Tại đây, Mạnh T hỏi Đàm Văn T nơi sửa khoá xe, để tiêu thụ chiếc xe mô tô đã trộm cắp được. Đàm Văn T và Mạnh T đến khu vực phường Đ, quận H để sửa khoá chiếc xe trên. Sau đó, Mạnh T điều khiển xe trộm cắp được, còn Đàm Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 16K1- 4502, chở Thanh T và cả ba cùng nhau đi đến khu vực phường Đ. Sau khi sửa khoá điện của chiếc xe vừa trộm cắp xong, Đàm Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 16K1-4502 đi về trước. Mạnh T và Thanh T cùng nhau mang chiếc xe vừa trộm cắp được đến nhà anh Chu Hồng S (sinh năm: 1982), tại số 25, ngõ C, phường T, quận T, Hà Nội để cầm cố. Do không có tiền nên anh S giới thiệu Mạnh T và Thanh T gặp chị Nguyễn Thị T (sinh năm: 1978; HKTT: Số 33 ngõ C, phường T, quận T, Hà Nội). Mạnh T và Thanh T đã cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 30H8- 7571 cho chị T được khoảng 2.800.000đồng. Khi cầm cố chiếc xe trên, Mạnh T và Thanh T không nói rõ nguồn gốc xe mô tô BKS 0H8-7571 là do trộm cắp được mà có, cho chị T biết. Mạnh T cầm số tiền 2.800.000đồng và đưa lại cho Thanh T 700.000đồng. Sau đó, Mạnh T và Thanh T cùng nhau đi về khu vực V, huyện T, Hà Nội gặp Đàm Văn T. Tại đây, Mạnh T và Thanh T nói với Đàm Văn T đã mang chiếc xe trộm cắp được đi cầm cố được 2.800.000đồng. Mạnh T đưa cho Đàm Văn T 500.000đồng. Đàm Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 16K1- 4502 chở Mạnh T và Thanh T ra bến xe bus, rồi đi về phòng trọ.

Cùng ngày, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ông Lê Công M đã đến Cơ quan công an trình báo.

Cơ quan đã tiến hành triệu tập Đàm Văn T đến trụ sở để làm việc và T tự nguyện giao nộp số tiền 400.000đồng. Tại Cơ quan điều tra, Đàm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Ngày 05/12/2018, Phan Thanh T đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. T khai số tiền 800.000đồng có được từ việc cầm cố xe do trộm cắp mà có, T đã sử dụng cá nhân một phần và tự nguyện giao nộp số tiền còn lại là: 464.000đồng.

Chị Nguyễn Thị T sau khi biết chiếc xe BKS: 30H8- 7571 là do Mạnh T và Thanh T trộm cắp được mà có, đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Ngày 03/12/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T có yêu cầu định giá với chiếc xe mô tô BKS: 30H8- 7571.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 336/KLGĐ ngày 10/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave BKS: 30H8-7571 (đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu tháng 4/2019 có giá trị là : 3.967.000đồng).

Ngày 28/3/2019, Cơ quan CSĐT- Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Vũ Mạnh T nhưng T bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 12/4/2019, Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã đối với Mạnh T. Do chưa bắt được bị can Vũ Mạnh T nên ngày 14/4/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Vũ Mạnh T, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Vũ Mạnh T để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với anh Chu Hồng S và chị Nguyễn Thị T, qua điều tra xác định: Khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 30H8-7571, anh S và chị T không biết chiếc xe mô tô nói trên là do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 30H8-7571, qua điều tra xác định thuộc sở hữu của ông Lê Công M. Cơ quan điều tra đã trao trả ông M chiếc xe mô tô nói trên. Sau khi nhận lại tài sản, ông M không có yêu cầu đề nghị gì.

Về dân sự, chị T yêu cầu các bị can phải trả lại cho chị T số tiền 2.800.000đồng là số tiền chị T đưa cho Vũ Mạnh T và Phan Thanh T khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 30H8- 7571.

Đối với số tiền 864.000đồng do Phan Thanh T và Đàm Văn T giao nộp cần tiếp tục giữ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng: số 81/KSĐT ngày 13/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Phan Thanh T và Đàm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 -Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

Các bị cáo Phan Thanh T và Đàm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, thừa nhận tội danh bị truy tố là đúng. Bị cáo Văn T đã tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền 2.800.000đồng. Bị cáo Đàm Văn T không yêu cầu bị cáo Thanh T hoàn trả số tiền đã bồi thường cho chị T. Chị T đã nhận đủ số tiền 2.800.000đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đàm Văn T và không có ý kiến gì về phần dân sự. Người bị hại là có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nhận lại chiếc xe máy Honda Wave màu đỏ BKS: 30H8- 7571 và không có yêu cầu gì khác. Do đó hội đồng xét xử không xét về phần dân sự.

Về vật chứng: Số tiền 864.000đồng do các bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Văn T từ 06 (sáu) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo Thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 24 (hai mươi tư) tháng.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 07 (bảy) đến 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ các ngày tạm giữ tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến ngày 05/3/2019.

Về vật chứng: Số tiền 864.000đồng do phạm tội mà có, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về dân sự: người bị hại anh Lê Công M đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì phần dân sự. Chị Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền 2.800.000đồng

của bị cáo Đàm Văn T bồi thường, không có yêu cầu gì về phần dân sự. Hội đồng xét xử không xét.

Các bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và xét hỏi tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Khoảng 09 giờ ngày 03/12/2019 tại khu vực xóm C, thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội, Phan Thanh T và Đàm Văn T trộm cắp của ông Lê Công M chiếc xe mô tô BKS: 30H8 - 7571 có giá trị 3.967.900đồng. Đối chiếu pháp luật hình sự Phan Thanh T và Đàm Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173- Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có cơ sở pháp lý.

[2] Như vậy hành vi chiếm đoạt tài sản của Phan Thanh T và Đàm Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần thiết xử lý bị cáo bằng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng : trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Đàm Văn T có 01 tiền sự, công an quận H xử phạt hành chính theo QĐ số 25003 ngày 06/07/2011 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý (đã xoá). Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại được quy định ở điểm b Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại khoản 2 -Điều 51- bộ luật hình sự. Bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải được quy định

tại điểm s khoản 1 Điều 51 - bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h Điều 51 - Bộ luật hình sự. Tòa xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hơn nữa bị cáo là người giúp sức tích cực, đồng phạm trong vụ án này. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày15/05/2018 của hội đồng Thẩm phán TANDTC cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục các bị cáo trở thành người tốt.

Bị cáo Phan Thanh T có 01 tiền án, ngày 04/02/2016, Toà án nhân dân quận H xử phạt 06 tháng 21 ngày tù (bản án số 62/2016/HSST), đã xoá án tích, bị cáo có nhân thân xấu, trong vụ án này bị cáo là người cảnh giới cho Mạnh T trộm cắp tài sản. Bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo Đàm Văn T. Bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - bộ luật hình sự năm 2015, Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h Điều 51 - Bộ luật hình sự . Bị cáo đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự. Để trừng trị đồng thời, giáo dục các bị cáo và làm bài học răn đe cho người khác, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, vai trò nhân thân của từng bị cáo, cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về phần dân sự: Người bị hại anh Lê Công M đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì khác, do vậy Tòa không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị T đã nhận đủ số tiền là 2.800.000đồng của bị cáo Đàm Văn T bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không có ý kiến về phần bồi thường dân sự.

Về vật chứng: Bị cáo Đàm Văn T tự nguyện nộp số tiền 400.000đồng và bị cáo Phan Thanh T tự nguyện nộp 464.000đồng là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập, ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 99 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thanh T và bị cáo Đàm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Thanh T.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T 07 (bẩy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ các ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến ngày 05/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Văn T.

Xử phạt : Bị cáo Đàm Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nếu bị cáo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Đàm Văn T cho Uỷ ban nhân dân phường B quận H, Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: căn cứ điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tại chi cục thi hành án huyện T.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 864.000đồng hiện đang lưu giữ tại kho bạc Nhà nước huyện T (uỷ nhiệm chi lập số 41 ngày 5/6/2019).

Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 20,22, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Quyền kháng cáo: áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án, hoặc niêm yết.

Về việc thi hành án: Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định của Toà án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Liên